

ĐẦU TƯ

Tiếp tục đổi mới theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thị trường cũng như mở rộng hợp tác kinh tế với các nước là điều đã được khẳng định ở Việt Nam.

Tạo cơ hội đầu tư và tiếp nhận đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Việt Nam giải pháp hết sức quan trọng để thực hiện đường lối đổi mới nội trên.

I. CƠ HỘI ĐẦU TƯ - CÁC THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN.

A. Các thuận lợi

1. Từ khi kết thúc chiến tranh cho đến nay, ngay cả những lúc tình hình kinh tế trong nước có nhiều khó khăn, tình hình chính trị kinh tế xã hội ở Liên Xô và Đông / biển động, Việt Nam vẫn giữ được sự ổn định chính trị và xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho sự ổn định và phát triển kinh tế, cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Việt Nam có nguồn tài nguyên (đất đai, rừng, biển gắn với thời tiết, khí hậu khoáng sản) nhiều, đa dạng, chưa khai thác triệt để.

Với lợi thế này, Việt Nam có một cơ cấu kinh tế khá đa dạng. Những nhà đầu tư nước ngoài có nhiều thuận lợi trong việc tìm kiếm lãnh vực đầu tư thích hợp.

3. Dân số tương đối lớn - trên 70 triệu người - vừa mở ra thị trường tiêu thụ đáng kể, vừa tạo nguồn nhân lực dồi dào và rẻ. Người Việt Nam có truyền thống dũng cảm trong đấu tranh dựng nước và giữ nước, cần cù, thông minh trong lao động. Người nhân lực được tạo thành từ một cộng đồng người như vậy, nếu được hỗ trợ phát triển bằng những biện pháp giáo dục, đào tạo, chuyển giao khoa học công nghệ tốt, chắc chắn sẽ là yếu tố bảo đảm sự thành đạt của đầu tư.

4. Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do nhà nước Việt Nam ban hành, đã đưa dư luận cho là tiến bộ, cởi mở so với một số luật đầu tư của nước khác.

Ngoài Luật đầu tư nước ngoài, có gần 70 văn bản pháp lý nhằm cụ thể hóa luật đầu tư như: Nghị định 28, pháp lệnh về chuyển giao công nghệ, các pháp lệnh về thuế đất, thuế mướn lao động, luật công ty và doanh nghiệp tư nhân, luật thuế vụ, luật qu tịch, pháp lệnh về ngân hàng v.v... cũng đã được lần lượt ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho đầu tư.

Các tổ chức quản lý và yểm trợ đầu tư nước ngoài ở Việt Nam cũng đã được hình thành và đi vào hoạt động theo thông lệ quốc tế:

- Ủy ban nhà nước về Hợp tác và Đầu tư Trung ương là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xét duyệt và cấp giấy phép đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trụ sở chính đặt ở Hà Nội và văn phòng phụ trách phía Nam đặt tại TP. Hồ Chí Minh.

- Ở cấp tỉnh và thành phố, cơ sở kinh tế đối ngoại và những tổ chức thẩm định dự án đầu tư góp phần cho việc xét duyệt cấp giấy phép và quản lý thực hiện.

- Ở Việt Nam có một số tổ chức nghiên cứu, tư vấn, dịch vụ đầu tư nước ngoài như:

- Công ty Dịch vụ Đầu tư - Bộ Thương mại (FISC).
- Công ty Dịch vụ Đầu tư nước ngoài về Công nghiệp - Bộ Công nghiệp (INFISCO).
- Công ty Dịch vụ Đầu tư và Tư vấn Quản lý (IMC).
- Công ty Dịch vụ Đầu tư - Viện Khoa học Việt Nam (Invest Consult).
- Công ty Dịch vụ Đầu tư và Sở hữu Công nghiệp - Ủy ban Khoa học nhà nước (INVESTIP).
- Công ty Dịch vụ Đầu tư - Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo (INVESCON).

Tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi có Trung tâm Dịch vụ Đầu tư và Ứng dụng Khoa học Kinh tế chuyên nghiên cứu thị trường, tìm người tiêu dùng, tư vấn đầu tư và soạn thảo các dự án đầu tư, lập kế hoạch kinh doanh cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam.

Hệ thống yểm trợ về tài chính tín dụng đầu tư nước ngoài ở Việt Nam có:

Ngân hàng trung ương, Ngân hàng kinh doanh và Công ty Tài chính, Ngân hàng thương mại quốc doanh hay cổ phần, Ngân hàng đầu tư và phát triển, Ngân hàng nội nghiệp... hoạt động theo pháp lệnh về Ngân hàng số 37/CT của Hội đồng Nhà nước ngày 24/5/1990, đã và đang phù hợp dần với thông lệ quốc tế.

Ngoài ra, đã có một số ngân hàng nước ngoài đặt chi nhánh hoạt động tại Việt Nam, gồm: Ngân hàng BNP, BFCE, Banque Indosuez, Credit Lyonnaise (Pháp) Ngân hàng Bangkok Bank (Thái Lan), Ngân hàng ANZ (Úc) và một số văn phòng đại diện của các ngân hàng nước ngoài như: The Thai Military Bank (Ngân hàng Quân sự Thái Lan), Standard Chartered Bank (Anh), ING Bank (Ngân hàng Quốc tế Hà Lan).

Bên cạnh đó, hiện Việt Nam cũng đã có hai ngân hàng liên doanh với nước ngoài là: Indovina Bank (Indonesia - Việt Nam) và Public - VID Bank (Việt Nam - Malaysia).

B. Những yếu kém còn gây trở ngại cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

1. Các luật lệ còn thiếu hoặc chưa đủ mức cụ thể. Các văn bản luật pháp đã ban hành có mặt chông chéo không ăn khớp. Sự thay đổi luật lệ chính sách làm khó theo dõi và bất kịp. Thủ tục xin cấp giấy phép còn phức tạp và mất nhiều thời gian.

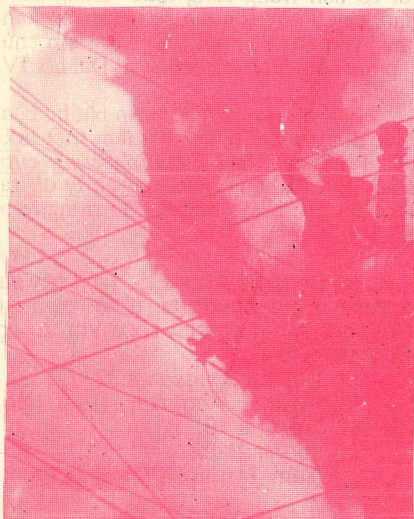
2. Hạ tầng cơ sở như đường sá, điện, nước, phương tiện đi lại và thông tin liên lạc thiếu và yếu kém.

3. Các thông tin về kinh tế nói chung và về thị trường nói riêng không đầy đủ, mức độ tin cậy chưa cao.

HIỆN TÌNH VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

PGSĐÀO CÔNG TIẾN

Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế
TP. Hồ Chí Minh



4. Các đối tác phía Việt Nam có hạn chế về vốn và trình độ quản lý.

II. HIỆN TRẠNG ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

1. Hơn 4 năm qua, từ khi ban hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (12.1987) đến nay, đã có đại diện của hàng trăm công ty nước ngoài đến Việt Nam, thăm dò tìm kiếm cơ hội đầu tư (trong đó Nhật có số lượt đoàn vào Việt Nam nhiều nhất). Nhiều công ty của trên 40 nước đã thực hiện dự án của họ ở Việt Nam (trong đó Nhật đứng hàng thứ 5 về số dự án).

Tính đến hết tháng 8.1992, Nhà nước Việt Nam đã cấp 484 giấy phép hoạt động cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư là 3,4 tỷ USD (3.430 triệu). Trong đó phía Nam (từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào) có 353 dự án, với tổng vốn đầu tư là 2,7 tỷ USD (2.714 triệu).

Sự phân bố tại phía Nam		
- TP. Hồ Chí Minh	214 dự án	1,384 tỷ USD
- Vũng Tàu	26 dự án	142 triệu USD
- Đồng Nai	19 dự án	229 triệu USD
- Cần Thơ	11 dự án	19 triệu USD
- Kiên Giang	9 dự án	40 triệu USD
- Khánh Hòa	12 dự án	36 triệu USD
- Quảng Nam - Đà Nẵng	11 dự án	128 triệu USD
Phân bố số dự án và vốn theo ngành		
- Công nghiệp (Trong đó có 17 dự án ngành dầu khí)	303 dự án	2,2 tỷ USD
- Nông nghiệp	17 dự án	48 triệu USD
- Lâm nghiệp	1 dự án	27 triệu USD
- Giao thông VT	39 dự án	133 triệu USD
- Bưu điện, thông tin liên lạc	6 dự án	102 triệu USD
- Du lịch, dịch vụ	9 dự án	857 triệu USD
Hình thức đầu tư		
- Liên doanh		350 dự án
- 100% vốn nước ngoài		46 dự án
- Hợp đồng hợp tác liên doanh		70 dự án
- Việt Nam đầu tư ra nước ngoài		11 dự án
Trong 41 nước đầu tư, có khoảng 10 nước có vốn đầu tư trên 100 triệu USD là:		
- Đài Loan	59 dự án,	749 triệu USD
- Hồng Kông	113 dự án,	542 triệu USD
- Pháp	33 dự án,	410 triệu USD
- Úc	26 dự án,	296 triệu USD
- Hà Lan	7 dự án,	261 triệu USD
- Liên Xô (cũ)	34 dự án,	156 triệu USD
- Nam Triều Tiên	16 dự án,	149 triệu USD
- Anh	11 dự án,	118 triệu USD
- Canada	12 dự án,	117 triệu USD
- Nhật	26 dự án,	116 triệu USD

2. Qui mô và cơ cấu đầu tư trên đây, tuy còn rất khiêm tốn, nhưng cũng đã góp phần vào nỗ lực chung cho sự ổn định và phát triển của nền kinh tế Việt Nam trên nhiều mặt như: tăng thu nhập, kỹ thuật và cách quản lý, góp phần tăng quy mô và thay đổi cơ cấu kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu và nguồn thu ngân sách, tạo việc làm và tăng thu nhập cho các tầng lớp dân cư.

Đã xây dựng và ban hành luật đầu tư cùng với gần 70 văn bản pháp lý nhằm cụ thể hóa luật đầu tư, xây dựng các tổ chức làm nhiệm vụ hợp tác đầu tư, xét duyệt, cấp giấy phép và đưa vào hoạt động cho 484 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng và đưa ra trên 500 dự án khác để gọi vốn đầu tư, tổ chức nhiều hội thảo quốc tế, nhiều lớp huấn luyện, nhiều cuộc gặp xúc trao đổi thông tin về hợp tác đầu tư với các nhà đầu tư nước ngoài. Với nỗ lực thực hiện những việc đó, năng lực đối tác phía Việt Nam (cả nhà nước và doanh nghiệp) đã được nâng lên, vững thành hơn.

Những thuận lợi từ môi trường chính trị xã hội ổn định, từ

nguồn tài nguyên và nhân lực của Việt Nam đối với đầu tư nước ngoài được khẳng định hơn. Những mặt yếu kém, hạn chế về cơ sở hạ tầng, cơ sở luật pháp, thông tin, khả năng về vốn và trình độ quản lý của các đối tác Việt Nam cũng bộc lộ rõ nét. Trên cơ sở đó những mục tiêu và biện pháp khắc phục cũng được xác định rõ ràng, triển vọng hơn.

III. TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

1. Dự báo tình hình

Sự cấm vận của Mỹ đã và đang gây khó khăn không nhỏ cho nền kinh tế và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Nhưng luật cấm vận của Mỹ không thể bịt hết mọi con đường hợp tác đầu tư của các nước với Việt Nam. Với xu thế chung trong quan hệ quốc tế và sự gia tăng sức ép của các nhà kinh doanh, phía Mỹ có thể nới lỏng từng phần cấm vận, phía các quốc gia khác cũng đã và sẽ nổi dậy và mở rộng các quan hệ với Việt Nam. Điều này có liên quan đến tình hình và triển vọng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Việc Chính phủ Nhật tuyên bố nới lại viện trợ phát triển cho Việt Nam, các công ty Nhật vào làm ăn với Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Đài Loan, Nam Triều Tiên và nhiều nước khác cũng có tình hình tương tự như vậy, đó là một thực tế chứng tỏ triển vọng đó.

Sự biến động ở Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu cũng có gây khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam. Nhưng nếu tích cực tìm kiếm các quan hệ hợp tác trực tiếp với các công ty của từng nước thì vẫn có khả năng mở rộng đầu tư từ các nước này.

Về phía Việt Nam, khung cảnh chính trị, xã hội ổn định được giữ vững. Đối mới kinh tế theo hướng kinh tế thị trường và mở rộng hợp tác với các nước được tiếp tục khẳng định. Cơ sở pháp lý, năng lực quản lý kinh tế của Nhà nước và các doanh nghiệp được nâng lên, nền kinh tế Việt Nam với lợi thế về nguồn tài nguyên và nhân lực vốn có sẽ ổn định và phát triển bằng việc khai thác, nâng cấp những cơ sở kinh tế hiện có, bằng mở rộng xây dựng những cơ sở kinh tế mới. Đó là những yếu tố rất quan trọng để hình thành môi trường thuận lợi cho đầu tư nước ngoài.

Từ bối cảnh quốc tế và quốc nội nói trên, từ những diễn biến tích cực trên thực tế, có thể dự đoán trong những năm tới nhịp độ và qui mô đầu tư nước ngoài tại Việt Nam sẽ cao hơn, lớn hơn các năm qua.

2. Phương hướng, mục tiêu trong những năm tới

Phương hướng chung là vừa đầu tư chiều sâu nhằm khai thác, nâng cấp những cơ sở kinh tế hiện có, vừa tập trung xây dựng những cơ sở kinh tế mới (cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội; nuôi trồng và chế biến nông lâm - thủy sản; sản xuất công nghiệp hàng tiêu dùng xuất khẩu; gia công cơ khí, điện tử, khai thác, chế biến khoáng sản và dầu khí; mở mang du lịch, dịch vụ...)

Nhằm thực hiện phương hướng trên, có khoảng 800 dự án do các Bộ và địa phương gởi tới Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, trong đó có khoảng 500 dự án đã được sơ bộ chọn lựa.

Những lĩnh vực chủ yếu tiếp tục gọi vốn đầu tư nước ngoài trong những năm tới được đề cập trong các dự án là:

- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.
- Lọc dầu.
- Khai thác và chế biến khoáng sản (than, sắt, đồng, apatit, bôxit).
- Sản xuất phân đạm từ khí đồng hành.
- Đầu tư chiều sâu các nhà máy sợi, dệt và may mặc, da giày.
- Trồng và chế biến cây công nghiệp, rau quả xuất khẩu.
- Trồng rừng nguyên liệu giấy.
- Sản xuất nhựa đường.
- Vận tải năng cấp sân bay.
- Xây dựng khu chế xuất.
- Xây dựng khu công nghiệp tập trung.
- Yểm trợ giáo dục và đào tạo.

* Phát biểu tại Hội thảo "Phát triển Kinh Tế ở Việt Nam và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do MMR tổ chức tại Tokyo, Nhật, ngày 2-11-1992